

Biểu A1.1

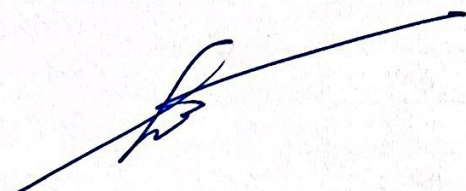
XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024
(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên)

Tên trường : Trường THPT Hoài Đức C

Địa chỉ : Song Phương- Hoài Đức - HN . Điện thoại liên hệ 02433598404

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV (có mặt 01/01/2023). Chia ra :	Người	68	60	73
	- Cán bộ quản lý	Người	3	2	3
	- Giáo viên	Người	58	52	63
	Trong đó: - Biên chế	Người	19	19	19
	- Hợp đồng	Người	39	33	44
	- Công nhân viên	Người	7	6	7
	Trong đó: - Biên chế	Người	7	2	2
	- Hợp đồng	Người	0	4	5
2	Tổng số lớp	Lớp	31	31	31
	Chia ra: Lớp 10	Lớp	11	11	10
	Lớp 11	Lớp	10	10	11
	Lớp 12	Lớp	10	10	10
3	Tổng số học sinh	Học sinh	1350	1350	1350
	Chia ra: Lớp 10	Học sinh	471	471	450
	Lớp 11	Học sinh	456	456	471
	Lớp 12	Học sinh	423	423	456

Người lập biểu



Lý Đăng Hường

Hà Nội ngày 09 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Kỳ Nam

Biểu A1.2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

Tên trường : **Trường THPT Hoài Đức C**

A. Tình hình cơ sở vật chất :

- Tổng diện tích đất: 17800 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 3869 m²
- Số Sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: (Chưa bàn giao)

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	17	17	0	0

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích/m ²	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	1	64,5	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	23,3	x	
2. Hóa học	1	64,5	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	23,3	x	
3. Sinh học	1	64,5	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	23,3	x	
4. Công nghệ	1	64,5	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	23,3	x	
5. Ngoại ngữ	2	129	x	
6. Tin học	1	64,5	x	
7. Thư viện	1	533	x	
8. Số lượng sách, tài liệu tham khảo		x	x	x
9. Nhà thể chất	1	766	x	
10. Phòng Y tế	1	23,3	x	
11. Sân bóng	1	1250		x

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Tổng số: 16 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn Chưa đạt chuẩn

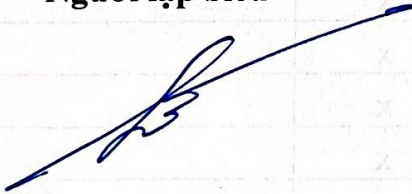
+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Tổng số: 8 nhà

Trong đó: Đạt chuẩn ☒ 8 Chưa đạt chuẩn ☐ 0

B. Tình hình trang thiết bị:

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 2 chỗ ngồi	414	414	
+ Loại 4 chỗ ngồi	0	0	
2. Bàn ghế giáo viên	22	20	
3. Bảng	24	24	
Trong đó: Bảng thông minh			
4. Máy vi tính	36	30	
Chia ra:	28	24	
+ Dùng cho HS			
+ Dùng cho Quản lý	7	7	
+ Kết nối Internet	7	7	
5. Số máy in	9	7	
6. Máy chiếu Projecter	24	19	
7. Máy photocopy	1	1	
8. Khác			

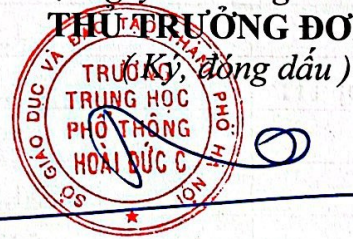
Người lập biểu



Lý Đăng Hưởng

Hà Nội ngày 09 tháng 01 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Kỳ Nam

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀI ĐỨC C

Biểu mẫu 9

(Kèm theo thông tư số 36/2017/ TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT)

THÔNG BÁO

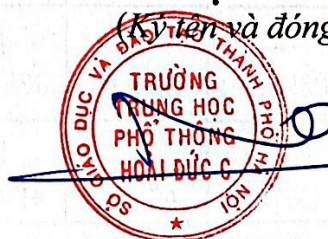
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	10	11	12	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	THPT ban cơ bản	THPT ban cơ bản	THPT ban cơ bản	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Mỗi năm họp phụ huynh 3 lần - Học sinh nghiêm túc trong học tập			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Có sân chơi trong sinh hoạt tập thể. - Có dụng cụ thể thao phục vụ hoạt động của học sinh			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh có đạo đức, sức khỏe để học tập			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Lớp 10	Lớp 11	Học các trường ĐH, CĐ, Nghề.	

Hoài Đức, ngày 09 tháng 01 năm 2023

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Kỳ Nam

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀI ĐỨC C

Biểu mẫu 10

(Kèm theo thông tư số 36/2017/ TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 -2022.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1208	454	425	329	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1092 90,4%	406 (89,43%)	359 (84,47%)	327 (99,39%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	103 8,53%	45 (9,91%)	56 (13,18%)	2 (0,61%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 0,99%	3 (0,66%)	9 (2,12%)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,08%	(0%)	1 (0,24%)	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1208	454	425	329	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	343 35,93%	109 (24,01%)	127 (29,88%)	198 60,18%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	699 57,86%	315 (69,38%)	253 (59,53%)	131 39,82%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	70 5,79%	29 (6,39%)	41 (9,65%)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,33%	0 (0,4%)	4 (0,94%)	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,08%	1 0,22%	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1208	454	425	329	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1205 99,75%	453 99,78%	423 99,53%	329 100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	433 35,84%	109 (24,01%)	126 (29,65%)	198 60,18%	

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	692 57,28%	313 68,94%	248 58,35%	131 39,82%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,0033 %	0	4 0,009%	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,0024 %	1 0,0022%	2 0,0047%	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	14 0,011%	12 0,026%	2 0,0047%	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,03%	0	4 0,009%	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0	0	0	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	329	0	0	329	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	329	0	0	329	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	182	0	0	182	
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	0	0	0		
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0		

Hoài Đức, ngày 09 tháng 01 năm 2023


Hiệu trưởng
 (Ký tên và đóng dấu)
 Nguyễn Kỳ Nam

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀI ĐỨC C

Biểu mẫu 11

(Kèm theo thông tư số 36/2017/ TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	17	2,8 m ² /học sinh
II	Loại phòng học	17	-
1	Phòng học kiên cố	17	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	08	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,44	-
8	Bình quân học sinh/lớp	23,8	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	17000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	13131	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	64,5	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	64,5	



3	Diện tích thư viện (m ²)	533	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	766	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	64,5	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	12	1,5
1.2	Khối lớp 11	12	1,5
1.3	Khối lớp 12	12	1,5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	1,8. học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	0,4
2	Cát xét	2	0,25

3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	3
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	0,25
2	Cát xét	2	0,25
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	1,4
5	Thiết bị khác...		
..			



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	16			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Hoài Đức, ngày 09 tháng 01 Năm 2023

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Kỳ Nam

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀI ĐỨC C

Biểu mẫu 12

(Kèm theo thông tư số 36/2017/ TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60													
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	52		8	44				14	5					
1	Toán	10		3	7				2	3					
2	Lý	3			3				1	1					
3	Hóa	4		1	3				2	1					
4	Sinh	2		1	1				2						
5	Văn	9		1	8				3						
6	Sử	2			2				2						
7	Địa	2			2				2						
8	Ngoại ngữ	7			7				2						
9	Công nghệ	2			2				1						
10	Tin học	2			2				0						
11	GD&CD	3			3				0						
12	Thể Dục	3			3				1						
13	Quốc phòng	2			2				0						
14	Kỹ NN	1			1				1						
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1		1						1					
2	Phó hiệu trưởng	1		1					1						
III	Nhân viên	6													

1	Nhân viên văn thư	0																	
2	Nhân viên kế toán	1			1				1										
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1			1														
5	Nhân viên thư viện	0																	
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0																	
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																	
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0																	
9	Bảo vệ	3							3										

Hoài Đức, ngày 09 tháng 01 năm 2023

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Kỳ Nam